

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2021/HS-ST  
Ngày 10 - 6 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tô Văn Nhung;
2. Bà Bùi Thị Thúy Lan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2021/TLST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn C, sinh năm 1986 tại tỉnh T; thường trú: Tổ dân phố P, thị trấn P, huyện C, tỉnh T; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Quang H (đã chết) và bà Trần Thị L, sinh năm 1969; có vợ tên Dương Thị M, sinh năm 1989 và có 01 con, sinh năm 2011; tiền án:

- Ngày 03/12/2014 Tòa án nhân dân thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 447/2014/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 25/5/2015.

- Ngày 22/01/2016 Tòa án nhân dân thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo bản án số 19/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 26/12/2016.

Tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/02/2021 cho đến nay, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**- Bị hại:** Anh Lê Vũ L, sinh năm 1992 và chị Nguyễn Thị Kim T, sinh

năm 1993; cùng thường trú: Ấp G, xã V, huyện T, tỉnh L; địa chỉ liên hệ: Công Ty TNHH S - Chi Nhánh Khu Công Nghiệp L, Lô 70B và 71B1 Khu công nghiệp L, Xã T, Huyện T, Tỉnh T, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Lại Phước H, sinh năm 1999; thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L; chỗ ở: Số 20/2 Tổ 9, khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh Đ, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Trần Minh L, sinh năm 1978; địa chỉ: 44/24 khu phố B, phường A, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973; thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh L, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 01/02/2021, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius có số khung RLCS5C6H0FY183263, số máy 5C6H183276, gắn biển số 61D1 – 767.90 từ phòng trọ tại khu phố 5, phường B, thành phố T, Thành phố H đến địa bàn thành phố D, tỉnh B để tìm tài sản chiếm đoạt. Đến khoảng 01 giờ ngày 02/02/2021, C đến trước dãy trọ tại địa chỉ số 79, đường Đ, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B rồi dựng xe mô tô trước cổng dãy trọ đi bộ vào bên trong. Khi đi đến phòng số 06 do vợ chồng anh Lê Vũ L thuê, C dùng 01 cờ lê bằng kim loại dài khoảng 30 cm mang theo, bẻ gãy khoen cửa ở ngoài rồi đi vào bên trong phòng. C lục tìm trong tủ quần áo lấy trộm 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu đen; 01 điện thoại Samsung Galaxy A21 màu xanh đen; 01 bịch ni lông màu đen bên trong có 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 02 chỉ, 01 đôi bông tai bằng vàng 18K trọng lượng 1,5 chỉ, 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ và lấy ở sàn nhà 01 máy tính bảng hiệu Samsung mini 4 màu đen. Tất cả tài sản chiếm đoạt C đều cất giấu vào túi quần. Sau đó, C khép cửa phòng lại rồi đi ra ngoài dãy trọ lấy xe mô tô điều khiển về phòng trọ tại khu phố 5, phường B, thành phố T, Thành phố H. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô đến trước số nhà 45A đường 15, khu phố 5, phường B, thành phố T, Thành phố H thì thấy lực lượng tuần tra công an phường B. C lấy bịch ni lông màu đen đựng bông tai, nhẫn, dây chuyền vàng trong túi quần ra ném vào lề đường. Khi lực lượng tuần tra đến thấy C có dấu hiệu nghi vấn nên kiểm tra và phát hiện trong túi quần của C có nhiều điện thoại di động và C khai nhận về hành vi trộm cắp trên địa bàn thành phố Dĩ An. Sau đó, Công an phường B đưa C về trụ sở làm việc, dẫn C đến xác định địa điểm nơi vứt bịch ni lông chứa tài sản là vàng nhưng không thu hồi được và lập hồ sơ chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố D để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius có số khung RLCS5C6H0FY183263, số máy 5C6H183276, gắn biển số 61D1 – 767.90; 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu đen; 01 điện thoại Samsung Galaxy A21 màu xanh đen; 01 máy tính bảng hiệu Samsung mini 4 màu đen và 01 cờ lê bằng kim loại dài 30 cm.

Theo Kết luận định giá tài sản số 23/KLĐG-HĐĐGTS ngày 05/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố D, tỉnh B kết luận 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu đen trị giá 2.000.000 đồng; 01 điện thoại Samsung Galaxy A21 màu xanh đen trị giá 2.700.000 đồng; 01 máy tính bảng hiệu Samsung mini 4 màu đen trị giá 2.500.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 02 chỉ trị giá 6.440.000 đồng; 01 đôi bông tai bằng vàng 18K trọng lượng 1,5 chỉ trị giá 4.830.000 đồng; 01 nhẫn tròn vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ trị giá 1.610.000 đồng. Tổng tài sản chiếm đoạt trị giá là 20.080.000 đồng.

Quá trình điều tra bị cáo và các bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì kết luận định giá tài sản số 23/KLĐG-HĐĐGTS ngày 05/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố D, tỉnh B.

Bản Cáo trạng số 143/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B truy tố bị cáo Lê Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh tụng đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Văn C mức án từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu đen, 01 điện thoại Samsung Galaxy A21 màu xanh đen và 01 máy tính bảng hiệu Samsung mini 4 màu đen đã trả lại cho bị hại nên không đặt ra xem xét.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius có số khung RLCS5C6H0FY- 183263, số máy 5C6H183276 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là xe của chị Nguyễn Thị T, xe có biển số thật là 49M1-106.80. Chị T cho con trai là Lại Phước H sử dụng và anh Lại Phước H đã trình báo công an phường A, thành phố B, tỉnh Đ về việc bị mất xe vào ngày 28/01/2021 tại phòng trọ địa chỉ 20/2 tổ 9, khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh Đ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã thông báo và chuyển vật chứng là xe mô tô có số khung RLCS5C6H0FY183263; số máy 5C6H183276 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với 01 biển số 61D1-767.90 gắn trên xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius là biển số của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu do anh

Nguyễn Trần Minh L đứng tên chủ sở hữu. Anh L xác định đã bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) và không yêu cầu lấy lại biển số nên đề nghị hội đồng xét xử tuyên tịch thu tiêu hủy biển số xe 61D1- 767.90.

- 01 cờ lê bằng kim loại dài 30cm đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Văn C bồi thường cho bị hại Lê Vũ L và Nguyễn Thị Kim T số tiền 12.880.000 đồng. Các bị hại xác định ngoài điện thoại, máy tính bảng và vàng bị chiếm đoạt, bị hại còn bị mất số tiền 3.000.000 đồng. Quá trình điều tra bị cáo C không thừa nhận lấy số tiền 3.000.000 đồng nên chưa có cơ sở xử lý, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố D tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ xử lý sau.

Quá trình tố tụng, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có đơn xin vắng mặt và bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình tố tụng, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 290 và 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Căn cứ xác định bị cáo phạm tội: Căn cứ vào lời khai của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 03/02/2021, biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp ngày 04/02/2021, Kết luận định giá tài sản số 23/KLĐG-HĐĐGTS ngày 05/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố D và những chứng cứ, tài liệu được thu thập trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 01 giờ sáng ngày 02/02/2021, tại phòng trọ số 6 thuộc dãy nhà trọ tọa lạc số 79, đường Đ, khu phố Tây A, phường Đ, thành phố D, tỉnh B, Lê Văn C đã lén lút chiếm đoạt tài sản có tổng giá trị là 20.080.000 đồng gồm 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu đen; 01 điện thoại Samsung Galaxy A21 màu xanh đen; 01 máy

tính bảng hiệu Samsung mini 4 màu đen và 01 bình ni lông màu đen bên trong có 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 02 chỉ; 01 đôi bông tai bằng vàng 18K trọng lượng 1,5 chỉ; 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ.

Xét, bị cáo Lê Văn C đã từng bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An (nay là thành phố Thuận An), tỉnh Bình Dương xử phạt về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 447/2014/HSST ngày 03/12/2014 và Bản án số 19/2016/HSST ngày 22/01/2016. Hiện bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù của hai bản án nêu trên nhưng chưa chấp hành các phần khác trong phần quyết định của bản án. Cụ thể, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội mới ngày 02/02/2021, bị cáo C chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm của bản án số 447/2014/HSST và chưa chấp hành phần trách nhiệm bồi thường cho bị hại của bản án số 19/2016/HSST. Theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm tính từ ngày bản án có hiệu lực. Mặc dù, bị hại chưa có đơn yêu cầu thi hành án nhưng bản án số 19/2016/HSST có hiệu lực ngày 23/02/2016 nên đến ngày 23/02/2021 mới hết thời hiệu yêu cầu thi hành án. Tuy nhiên, đến ngày 02/02/2021, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội mới nên căn cứ vào Điều 70 Bộ luật Hình sự thì bị cáo vẫn còn tiền án. Bị cáo Lê Văn C đã tái phạm vào năm 2016, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội mới do cố ý vào ngày 02/02/2021 nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại có tổng giá trị 20.080.000 đồng mà bị cáo đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng số 143/CT-VKS ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát thành phố D, tỉnh B truy tố bị cáo cũng như bản luận tội của Kiểm sát viên ngày hôm nay đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tội phạm do bị cáo thực hiện đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về nhận thức bị cáo hoàn toàn biết hành vi trộm cắp tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn kiếm tiền nhanh chóng không phải lao động để phục vụ nhu cầu bản thân mà bị cáo cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình tố tụng bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu thể hiện bị cáo đã từng

bị Tòa án xét xử về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Xét bị cáo xâm phạm đến tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, đồng thời bị cáo là người có nhân thân xấu, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành những công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên áp dụng hình phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu đen, 01 điện thoại Samsung Galaxy A21 màu xanh đen và 01 máy tính bảng hiệu Samsung mini 4 màu đen đã trả lại cho bị hại nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- 01 cò lê bằng kim loại có chữ FORGED STEEL dài 30cm sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius có số khung RLCS5C6H0FY- 183263, số máy 5C6H183276 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội là xe của chị Nguyễn Thị T, xe có biển số thật là 49M1-106.80. Chị T cho con trai là Lại Phước H sử dụng và anh Lại Phước H đã trình báo công an phường A, thành phố B, tỉnh Đ về việc mất xe vào ngày 28/01/2021 tại phòng trọ địa chỉ 20/2 tổ 9, khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh Đ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố D đã thông báo và chuyển vật chứng là xe mô tô có số khung RLCS5C6H0FY183263; số máy 5C6H183276 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố B xử lý theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

- Đối với 01 biển số 61D1-767.90 gắn trên xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius là biển số của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream màu nâu do anh Nguyễn Trần Minh L đứng tên chủ sở hữu. Xét, bị cáo đã sử dụng biển số xe này vào việc phạm tội, anh L xác định đã bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch) và không yêu cầu lấy lại nên cần tịch thu tiêu hủy biển số 61D1- 767.90.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Vũ L và Nguyễn Thị Kim T là vợ chồng và có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 15.880.000 đồng bao gồm 12.880.000 đồng trị giá số vàng đã mất và 3.000.000 đồng tiền mặt.

- Xét, quá trình điều tra chỉ có cơ sở xác định bị hại Lê Vũ L và Nguyễn Thị Kim T bị chiếm đoạt 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 màu đen; 01 điện thoại Samsung Galaxy A 21 màu xanh đen; 01 máy tính bảng hiệu Samsung mini 4 màu đen; 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 02 chỉ, 01 đôi bông tai bằng vàng 18K trọng lượng 1,5 chỉ, 01 nhẫn vàng 18K trọng lượng 0,5 chỉ. Hiện bị hại đã nhận lại được điện thoại và máy tính bảng, còn vàng bị chiếm đoạt không thu hồi được. Do đó, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lê Văn C bồi thường cho bị hại Lê Vũ L và Nguyễn Thị Kim T 12.880.000 đồng (tương ứng với giá trị số vàng đã mất theo Kết luận định giá tài sản số 23/KLĐG-HĐĐGTS ngày 05/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản thành phố D).

- Đối với số tiền 3.000.000 đồng tiền mặt bị hại Lê Vũ L và Nguyễn Thị Kim T khai bị chiếm đoạt và yêu cầu bị cáo bồi thường. Tuy nhiên, quá trình tố tụng, bị cáo C không thừa nhận lấy số tiền 3.000.000 đồng và cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có nhận định tách khoản tiền này ra để tiếp tục xác minh xử lý sau. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Xét đề nghị Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn C phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/02/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Lê Văn C bồi thường cho anh Lê Vũ L và chị Nguyễn Thị Kim T số tiền 12.880.000 (mười hai triệu tám trăm tám mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 89; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 biên số 61D1-767.90 và 01 cờ lê bằng kim loại có chữ FORGED STEEL dài 30cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/4/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố D với Chi cục thi hành án dân sự thành phố D).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn C phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 644.000 (sáu trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (05);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Công an thành phố Dĩ An (01);
- Trại giam CA tỉnh Bình Dương (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi bị cáo cư trú (02);
- Phòng PV 27 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT,HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Minh Hoàng**